

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2022.

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến và bà Dương Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 29/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Ngọc A, sinh năm: 1991

Cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Dương Thị M, sinh năm: 1995

Cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông A xin vắng mặt, bà M vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại phiên tòa hôm nay ông Phan Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử bà Mai trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Ngọc A và bà Dương Thị M tự nguyện yêu thương chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/2017 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai, giấy chứng nhận kết hôn số 72/2017.

Vợ chồng ông A và bà M chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân do tính tình không hợp bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau, mặc dù cả hai đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà M thiếu sự quan tâm, chăm sóc đến gia đình, con cái, mọi việc lớn nhỏ trong nhà từ chăm sóc con cái đến kinh tế đều một mình ông A tự lo liệu, vợ chồng ông bà đã sống ly thân hai năm nay. Nay ông A thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà Dương Thị M.

- Về con chung: Vợ chồng ông A, bà M chung sống có một con chung là cháu Phan Nhã U, sinh ngày 21/6/2018. Khi ly hôn, ông A yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu bà Mai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông A khai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Nợ chung: Ông A khai không có.

* Bị đơn bà Dương Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà M không đến Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa, bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho ông Phan Ngọc A được ly hôn với bà Dương Thị M.

- Về con chung: Đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Phan Nhã U, sinh ngày 21/6/2018 cho ông Phan Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời bà Dương Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông A khai không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Ông A khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc ông A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông Phan Ngọc A có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của ông với bà Dương Thị

M vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa xét xử vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Dương Thị M nhưng bà M đều vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và tại phiên tòa ngày hôm nay bà M vẫn không đến tham gia. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

Ông Phan Ngọc A có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Ngọc A và bà Dương Thị M kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay ông A xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Phan Ngọc A thì thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng của ông A, bà M đã xảy ra trong thời gian dài. Mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, hay cãi vã nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân hơn hai năm nay. Tình cảm của ông A dành cho bà M không còn nên ông xin được ly hôn với bà M.

Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà M nhưng bà M không có bất cứ văn bản nào trả lời cho Tòa án về yêu cầu ly hôn của ông A. Tòa án cũng đã thông báo hòa giải để cho ông, bà có cơ hội gặp gỡ hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng bà M vắng mặt. Tại phiên tòa lần đầu và ngày hôm nay bà M cũng vắng mặt không có lý do. Thể hiện bản thân bà M cũng không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình với ông A. Qua những phân tích trên thể hiện cuộc sống hôn nhân của ông A, bà M không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của ông A, bà M đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của ông A về việc yêu cầu ly hôn với bà M.

2.2. Về con chung: Thực tế hiện nay cháu Phan Nhã U, sinh ngày 21/6/2018 đang ở cùng với ông Phan Ngọc A. Qua xác minh tại địa phương và lời trình bày của ông A thể hiện ông A có nhà ở, thu nhập ổn định, từ trước đến nay ông A nuôi con đảm bảo tốt về mọi mặt cho con chung. Do đó, để đảm bảo

cuộc sống của cháu U nên Hội đồng xét xử giao cho ông Phan Ngọc A được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2.2. Ông A khai không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung, bà M cũng không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Ông A khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Ông A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc A. Cho ông Phan Ngọc A được ly hôn với bà Dương Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Nhã U, sinh ngày 21/6/2018 cho ông Phan Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời bà Dương Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của bà Dương Thị M.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Ông A khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Ngọc A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000412 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Ông A đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Phan Ngọc A và bà Dương Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện T;
- UBND xã Đ, huyện T (Giấy đăng ký kết hôn ngày 03/10/2017, số 72);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Như Quỳnh